

Phụ lục 2

(Kèm theo Công văn số /SGTVT-QLHT ngày /7/2022 của Sở GTVT Phú Yên)

**CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN CÁC
TUYẾN QL.25, QL.29, QL.19C THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT PHÚ YÊN**

TT	Quốc lộ/đường	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh/TP	Chiều dài (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
1	Quốc lộ 25	Cầu Trần Hưng Đạo	Km0+080	Phú Yên	78,26	3	22	19,0	HL93					Cầu mới thay thế cầu cũ đã thi công xong, đang tiến hành các thủ tục để nghiệm thu đưa vào sử dụng
2	Quốc lộ 25	Cầu Đồng Dinh	Km14+500	Phú Yên	13,9	1	8,5	6,5	H18-XB60				HL93	Đã kiểm định ngày 16/10/2021. Kết luận cầu khai thác được với tải trọng HL93
3	Quốc lộ 25	Cầu Rù Rì B	Km27+909	Phú Yên	80,36	4	9,0	7,0	H30-XB80				HL93	Đã kiểm định ngày 16/10/2021. Kết luận cầu khai thác được với tải trọng HL93
4	Quốc lộ 25	Cầu Sông Con	Km37+500	Phú Yên	141,40	7	9,8	7,0	H30-XB80	*	20-30-35			Cầu bị hư hỏng, đang chờ kiểm định, sửa chữa. Đang cấm biển hạn chế tải trọng theo Văn bản số 2339/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 27/4/2022 của Tổng cục ĐBVN
5	Quốc lộ 29	Cầu Đà Nông	Km17+623	Phú Yên	483,8	14	12	11,0	H30-XB80	*			H30-XB80	Dự kiến năm 2023 kiểm định cầu

TT	Quốc lộ/đường	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh/TP	Chiều dài (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
6	Quốc lộ 29	Cầu Suối Bà	Km62+930	Phú Yên	10,2	2	9,5	7,0	H18-XB60	KCB			H18-XB60	
7	Quốc lộ 19C	Cầu Bản	Km40+420	Phú Yên	16,0	1	6,5	6,0	H13				HL93	Đã kiểm định ngày 16/10/2021. Kết luận cầu khai thác được với tải trọng HL93
8	Quốc lộ 19C	Cầu Đá Chát	Km45+525	Phú Yên	71,4	3	8	6,0	H18-XB60				HL93	Đã kiểm định ngày 22/12/2021. Kết luận cầu khai thác được với tải trọng HL93 và không cần cấm biên hạn chế tải trọng
9	Quốc lộ 19C	Cầu Trà Ô	Km51+631	Phú Yên	33,8	1	6,3	5,5	H13-XB60				HL93	Đã kiểm định ngày 16/10/2021. Kết luận cầu khai thác được với tải trọng HL93

Ghi chú:

- Các cầu trên Quốc lộ do Sở GTVT Phú Yên quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT
- Các chỉ số tại cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe đầu kéo kéo Rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng Xe thân liền kéo Rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng)
Ví dụ: Cột 11B có ghi 20-32-40, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 20 tấn; Xe đầu kéo kéo Rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 tấn và Xe thân liền kéo Rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 40 tấn.
- Chỉ số ghi ở cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số P.115 "Hạn chế trọng tải toàn bộ xe: (Biển số theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số 41:2019/BGTVT)
Ví dụ: ở cột 11C choa ghi số "18"- Nghĩa là cầu có cấm biển hạn chế trọng tải toàn bộ xe (cả xe và hàng) vượt quá 18 tấn.
- Cầu nào mà ở cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D